

HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIÁO DỤC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM CHO NGƯỜI HỌC

TDƯƠNG THỊ NGỌC DUNG (*)

LÊ THỊ MINH THY (**)

TÓM TẮT

Hội nhập quốc tế đang đặt ra trước mắt nền giáo dục nước ta nhiều cơ hội, nhưng cũng không ít thách thức. Trong bối cảnh đó, để thực hiện Nghị Trung ương lần thứ 8 khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, việc xây dựng phương pháp giáo dục khoa học, hình thành cơ chế quản lý giáo dục phù hợp với quan điểm phát triển của Đảng trở nên nhu cầu cấp bách, không thể trì hoãn. Việc phát triển kỹ năng mềm cho người học, xét từ cách tiếp cận đó, chính là điều kiện quan trọng để người học tạo được thể chủ động, sự tự tin trước khi bước vào cuộc sống, qua đó đạt được 4 mục tiêu trong học tập mà UNESCO nêu ra – học để biết (Learning to Know), học để làm (Learning to Do), học để chung sống (Learning to Live Together), học để tự khẳng định, tự lập (Learning to Be).

1. HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ NHU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

Đất nước ta đang trong quá trình hội nhập toàn diện và sâu rộng vào sinh hoạt quốc tế. Chúng ta đi từ quan điểm “chủ động hội nhập” sang “chủ động và tích cực hội nhập”, từ hội nhập kinh tế đến hội nhập toàn diện hơn, từ sự tham gia từng phần đến tham gia đầy đủ trong sinh hoạt quốc tế, trong các mối quan hệ song phương và đa phương. Hội nhập, với tất cả những mặt tích cực và thách thức của nó, vẫn đang là sự lựa chọn rất cần thiết đối với chúng

ta trong một thế giới mở (hay thế giới phẳng) hết sức đa dạng và phức tạp hiện nay. Hội nhập nhưng không hòa tan, vươn ra biển lớn mà không mất phương hướng – quan điểm đó trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tích cực và chủ động hội nhập, chúng ta cũng đồng thời nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa hội nhập và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, giữa tiếp thu các giá trị ngoại lai và giữ gìn bản sắc dân tộc, giữa tận dụng ngoại lực và phát huy nội lực.

Trong nhiều thập niên qua chúng ta từng bước hội nhập về chương trình các bậc học, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo (trừ những chuyên ngành và môn học có tính đặc thù), thực hiện kiểm định chất lượng theo các tiêu chí quốc tế và khu vực, trao đổi chuyên gia và học hỏi mô hình quản lý giáo dục của các nước tiên tiến. Đối với bậc đại học, việc chuyển sang tín chỉ hóa toàn bộ chương trình không chỉ thể hiện quan điểm người học là trung tâm, mà còn trao cho người học “quyền lực mềm” trong việc thẩm định chất lượng của nguồn tri thức và phương pháp truyền đạt tri thức từ người thầy. Liên kết quốc tế trong tổ chức đào tạo được xem là một trong những phương tiện hiệu quả và thích hợp nhất để đưa nền giáo dục nước ta tiếp cận với trình độ khu vực và quốc tế. Ý nghĩa của liên kết quốc tế là ở chỗ thông qua các kênh liên kết, các

(*) Trường bộ môn Mác – Lênin. Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Phó Trường bộ môn Mác – Lênin. Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại Thành phố Hồ Chí Minh

hình thức hợp tác, chúng ta xác định rõ hơn vị thế của mình, từ đó có những điều chỉnh, đổi mới hợp lý, từ đổi mới con người đến đổi mới cơ chế tổ chức, quản lý.

Khái niệm “tờ giấy trắng” (tabula rasa), do John Locke nêu ra ở thế kỷ XVII, được hiểu như sự truyền dẫn tri thức và kinh nghiệm sống từ thế hệ trước cho thế hệ sau, đã không còn phù hợp nữa. Thay vào đó là quan điểm giáo dục hiện đại khơi dậy năng lực của người học và hướng đến hoạt động ứng dụng, khả năng thích nghi và xử lý tình huống. Chúng ta đang tiến dần đến sự hội nhập trong giáo dục ở nhiều bình diện khác nhau, từ triết lý giáo dục một cách tổng thể, đến tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục theo các tiêu chí khoa học - hiện đại, cũng như đổi mới, cập nhật thường xuyên chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo.

Tuy nhiên, sau gần 30 năm đổi mới, chúng ta vẫn chưa tạo được những đột phá về triết lý hội nhập và vận dụng chúng vào các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, sinh hoạt chính trị quốc tế. Hàng loạt mâu thuẫn và bất cập trong giáo dục chưa được giải quyết triệt để, trước hết là bất cập trong tổ chức đào tạo, trong phương pháp giảng dạy, trong chương trình và nội dung, trong việc phát triển nguồn nhân lực cho giáo dục, trong chính sách khuyến khích năng lực sáng tạo và sự cống hiến của nhà giáo - nhà khoa học. Hạn chế này đã được Đảng ta chỉ rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo: “Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất. Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Hạn chế đối thoại với người học, thói

quen “cho - nhận” tri thức một cách đơn điệu, tính hình thức và tính “quan cách” trong giảng dạy, không quan tâm đến tâm lý, cảm xúc của người học, ngại tiếp nhận câu hỏi từ người học, thiếu môi trường giao tiếp và “cùng sáng tạo” với người học, đó là những nan giải trong việc giảng dạy hiện nay.

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Điều này xuất phát không chỉ từ tính chế định lịch sử - xã hội của đất nước, mà còn từ những điều kiện khách quan, nhất là khi chúng ta xây dựng và phát triển đất nước trong thế giới đa cực, với sự đan xen các khuynh hướng và lực lượng chính trị phức tạp. Về giáo dục, chúng ta chưa chuẩn bị tốt các điều kiện để hội nhập, chưa thực sự sẵn sàng hội nhập. Bên cạnh đó lại diễn ra hiện tượng tùy tiện, vô chính phủ trong việc tiếp thu mô hình của các nền giáo dục bên ngoài, không tính đến điều kiện và khả năng hiện có. Sự xô bồ, thậm chí hỗn loạn, mất phương hướng trong việc tiếp cận các phương thức giáo dục tiên tiến, làm cho nền giáo dục nước nhà trong nhiều thập niên qua không chỉ chậm phát triển, chậm đổi mới, mà còn có nguy cơ rơi vào tình trạng mất cân đối, không đủ khả năng đối thoại bình đẳng và hợp tác với bên ngoài.

2. SỰ CẦN THIẾT TRANG BỊ “KỸ NĂNG MỀM” CHO NGƯỜI HỌC

Theo chúng tôi, để chủ động và tích cực hội nhập trong giáo dục, cần hình thành lộ trình thích hợp, từng bước, nghĩa là chuẩn bị nguồn lực cho quá trình đó một cách căn cơ, “bài bản”. Muốn như vậy, bên cạnh việc truyền thụ kiến thức, cần trang bị cho người học cả “nghệ thuật sống”, hay “kỹ năng sống” trong không gian mở nhưng hết sức phức tạp hiện nay. Kỹ năng là khả năng của con người thực hiện được một công việc nhất định nhằm đạt đến một mục tiêu nhất định trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất

định. Mỗi người đều có một kỹ năng chuyên môn (nghề nghiệp) hay kỹ năng sống, và họ sử dụng chúng ở mức độ thành công khác nhau. Sự phân tầng trong xã hội, sự phân cấp trong hệ thống quản lý, những khác biệt trên con đường thăng tiến của mỗi cá nhân, sự đa dạng và phức tạp của các mối quan hệ xã hội chứng tỏ rằng, đằng sau thành công của công việc còn có những yếu tố tác động khác hết sức quan trọng, không thể xác định theo phương thức kỹ thuật, chuyên môn. Yếu tố đó được đưa vào nhóm kỹ năng đặc biệt - kỹ năng mềm (Soft Skills).

Kỹ năng mềm là thuật ngữ thường xuyên được nhắc trong thế giới đương đại, dùng để chỉ những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người. Đó là thứ kỹ năng “không thể sờ nắm”, nó gắn liền với cá tính của từng người, góp phần định hình một phong cách, một diện mạo đặc trưng, không lặp lại của cá nhân, nhưng không mang tính chuyên môn thuần túy. Chính vì thế kỹ năng mềm được hiểu như một thứ nghệ thuật sống.

Kỹ năng mềm có mối quan hệ với kỹ năng sống (Life Skills), kỹ năng xã hội (Social Skills), mặc dù chúng không hoàn toàn đồng nhất với nhau.. Nghệ thuật cuộc sống cũng là nghệ thuật làm mềm hóa các mối quan hệ, khả năng thích ứng và hành vi tích cực cho phép con người xử lý hợp lý các tình thế diễn ra, đạt được mục tiêu trong cuộc sống. Vì thế có người đồng nhất kỹ năng mềm và kỹ năng sống, xem kỹ năng mềm như một tập hợp kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, sáng tạo, không được học trong nhà trường. Kỹ năng sống và kỹ năng mềm đều gắn với hệ thống các kỹ năng thực hành xã hội, hay đơn giản là kỹ năng xã hội, kỹ năng giúp sự giao tiếp và tương tác thuận lợi hơn, trong đó những luật lệ và quy định xã hội được truyền đạt và thay đổi bằng lời hoặc không bằng lời, tức bằng yếu tố xúc cảm.

Như vậy các khái niệm trên có nhiều điểm giao nhau, và cùng thể hiện một thứ nghệ thuật sống cần thiết, tạo điều kiện cho sự vươn lên của cá nhân trong tổng thể các mối quan hệ xã hội.

Kỹ năng mềm chiếm tỷ lệ như thế nào trong thành công của mỗi cá nhân? Con số đưa ra không giống nhau, có người cho rằng trong thành công của cá nhân chỉ có 25% là kết quả của trình độ chuyên môn (kỹ năng cứng), còn lại phụ thuộc vào cách thức vận dụng kỹ năng mềm. Thậm chí có cả công bố chính thức rằng các nhà khoa học trên thế giới nhận định kỹ năng cứng chỉ chiếm 15%, còn lại 85% thuộc về kỹ năng mềm (trí tuệ cảm xúc) trong thành công của con người (Dẫn theo <http://www.softskillsinstitution.com/fa.htm>). Cách tính này, theo chúng tôi, mang nặng yếu tố cảm tính, ước lệ, vì chưa thể và không thể đo kỹ năng mềm bằng hệ thống máy móc hay khảo sát xã hội học được. Song có một điều chắc chắn rằng, cùng với trình độ chuyên môn, được xác định bằng những thông số đánh giá cụ thể, thì người nào biết vận dụng nghệ thuật ứng xử, sự tự tin, khả năng hòa đồng, giao tiếp và những thang bậc biểu cảm tâm lý phù hợp với những điều kiện cụ thể, sẽ đạt được mức độ thành công cao hơn việc vận dụng cứng nhắc những chỉ số đã được quy định bằng văn bản hành chính và những thông số kỹ thuật thuần túy.

Xét về cội nguồn, ngay từ ngàn xưa con người đã được trang bị kỹ năng mềm trong tương tác xã hội, phương thức tổ chức và quản lý, phương thức đánh giá, phản biện, tuy nhiên chưa hình thành một lĩnh vực đặc thù, chuyên biệt hóa. Có một thông tin thật thú vị: trong 9 điều xác định phẩm chất bậc quân tử mà Khổng Tử đưa ra có hiện diện các yếu tố gần với cách hiểu về kỹ năng mềm hiện nay (Khổng Tử, 1995, tr. 278).

Hiện nay nội hàm của khái niệm kỹ năng mềm hết sức phong phú, gắn liền với các lĩnh vực hoạt động, cấp độ và tính chất các mối quan hệ dân tộc, quốc gia (Mỹ, Ôxtraylia, Vương quốc Anh, Pháp, Đức, Canada, Xin-ga-po, mỗi nơi có cách tiếp cận về kỹ năng mềm dựa trên kết quả phân tích của các chuyên gia, dù căn cứ trên những tiêu chí chung nhất, tức mẫu số chung). Các nguồn tài liệu liệt kê khá nhiều kỹ năng mềm cơ bản để chuyển hóa công việc một cách thành công, đó là tính trung thực, sự tin cậy, kỹ năng giao tiếp, linh hoạt và thích ứng, kết nối, lãnh đạo, mở rộng tầm ảnh hưởng, tổ chức - tự tổ chức, kỹ năng viết, làm việc nhóm, chủ động và tập trung cao, chịu được áp lực, xử lý tình huống, nghiên cứu và chi tiết hóa công việc, giải quyết khủng hoảng, thường xuyên học hỏi, tư duy phê phán và sáng tạo, tiếp nhận và chia sẻ thông tin, nhạy bén sử dụng các công cụ hỗ trợ, kỹ năng “phản xạ”... Bộ Lao động Mỹ thì đưa ra 13 kỹ năng mềm: kỹ năng học và tự học (Learning to Learn), kỹ năng lắng nghe (Listening Skills), kỹ năng thuyết trình (Oral Communication Skills), kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem Solving Skills), kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative Thinking skills), kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn (Self Esteem), kỹ năng đặt mục tiêu/tạo động lực làm việc (Goal Setting/Motivation Skills), kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp (Personal and Career Development Skills), kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tạo lập quan hệ (Interpersonal Skills), kỹ năng làm việc nhóm (Team Work), kỹ năng đàm phán (Negotiation Skills), kỹ năng tổ chức công việc hiệu quả (Organizational Effectiveness), kỹ năng lãnh đạo bản thân (Leadership.Skills).(<http://ueb.vnu.edu.vn/Su b/20/newsdetail/kynangsv/11051/ky-nang-mem-su-can-thiet-cho-sinh-vien.htm> ngày 10/3/2014). Càng đi sâu vào “thế giới của kỹ năng” chúng ta càng thấy số lượng của nó

không thể đạt được tính thống nhất, bởi lẽ cách xác định và ứng dụng kỹ năng mềm còn phụ thuộc và môi trường xã hội, tính chế định về hệ thống luật pháp, giáo dục, trình độ phát triển và nhiều yếu tố văn hóa - xã hội, lối sống. Nói khác đi, sử dụng kỹ năng mềm trong công việc khiến cho cá nhân - người dạy và người học - luôn biết cách tự “phân mảnh”, “phi trung tâm” theo tinh thần “hậu - hiện đại” để có thể sống được trong thế giới đa chiều, thế giới “mờ” và thế giới “phẳng”, trong một thế giới mà giáo dục bậc cao biết tạo ra những “người chơi” linh hoạt, đảm nhiệm được nhiều vai trong vở kịch cuộc sống (J. F. Lyotard, 2007, tr. 182 - 197).

Môi trường giáo dục, tức môi trường “trồng người” là nơi thích hợp nhất để chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho người học bước vào đời. Vì thế, giáo dục kỹ năng mềm cho người học trở thành yêu cầu tất yếu, nhằm hình thành con người với những phẩm chất tốt đẹp và thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội, hình thành nghệ thuật ứng xử và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Hơn thế nữa, giáo dục kỹ năng mềm còn tạo điều kiện cho người học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tư duy phản biện và năng lực tổ chức, năng lực giao tiếp với tập thể, xây dựng mối quan hệ thân thiện và cởi mở giữa thầy và trò, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, từng bước nâng cao trách nhiệm công dân, bổn phận đối với gia đình, nhà trường, xã hội. Như vậy trang bị kỹ năng mềm cho người học chính là trang bị hành trang cho cuộc sống tương lai, trang bị phương thức trải nghiệm cuộc sống ngay từ trên ghế nhà trường.

Giáo dục kỹ năng mềm thường xuyên gắn kết với hàng loạt những đột phá về việc xây dựng phương pháp đào tạo, hình thức đào tạo, chẳng hạn chuyển đổi mô hình từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, gia tăng tỷ lệ thực hành, nâng chất trình độ ngoại ngữ

và tin học cho cả người dạy và người học, thực hiện liên thông, liên kết trong đào tạo v.v. Nói cách khác, giáo dục kỹ năng mềm cần được đặt trong tổng thể chiến lược đổi mới giáo dục nước nhà.

Người học cần đặt ra nhiều câu hỏi, cần được chia sẻ thông tin và chính kiến, cần tranh luận thẳng thắn về nội dung môn học, cần được gợi mở phát huy tính sáng tạo giữa thế giới đầy áp thông tin như hiện nay. Đã đến lúc cần giải phóng tư duy khỏi sức ỳ của cơ chế để cả người dạy lẫn người học đều tìm được sự giao thoa và chia sẻ thông tin, đạt tính hiệu quả cao trong giảng dạy và học tập, nghĩa là cần quan tâm và vận dụng kỹ năng mềm để nâng chất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và có được những kết quả tích cực hơn trong cuộc sống.

3. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM VÀ MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC

Để vận dụng tốt kỹ năng mềm trong giảng dạy, thì ngoài việc nâng cao năng lực tổ chức, thu hút người học vào các buổi ngoại khóa, sinh hoạt câu lạc bộ học thuật... người thầy cần thường xuyên cập nhật thông tin, nắm quyền chủ động trong việc hướng dẫn người học cách hỏi, nghệ thuật lắng nghe và diễn giải. Bản thân người thầy, nhất là trong những môn học có yếu tố “nhạy cảm”, cũng cần biết lắng nghe và chủ động trong xử lý tình huống, biết “dàn xếp các cuộc tranh luận”. Ý tưởng dàn xếp tranh luận từng được nhà triết học thực dụng người Mỹ W. James nêu ra, nhằm đưa các cuộc tranh luận đến điểm có thể chấp nhận, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo. Như vậy kỹ năng thích ứng và tổ chức công việc, “lãnh đạo bản thân” là yêu cầu quan trọng để mở hướng cho các hoạt động thu hút sự quan tâm của người học.

Bên cạnh đó, việc chủ động trao cho người học một thứ “quyền lực mềm” đặc

trung là điều cần thiết trong quá trình đổi mới giáo dục, quá trình đi đến lấy người học làm trung tâm. Thứ “quyền lực mềm” này đặt ra trước người thầy trách nhiệm cao đối với công việc, thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, trau dồi các kỹ năng để thích ứng với những yêu cầu ngày càng cao của giáo dục, đào tạo. Người học giờ đây không thể thờ ơ trong việc học tập, mà có trách nhiệm với chính mình trong việc tương tác với người dạy, hình thành các kênh giao tiếp và học hỏi kiến thức, chứ không chỉ căn cứ vào một hoặc hai cuốn giáo trình có sẵn. Người học (sinh viên, học sinh) không thụ động tiếp thu kiến thức, mà chủ động tìm kiếm kiến thức với sự chỉ dẫn của người thầy.

4 mục tiêu trong học tập mà UNESCO nêu ra – học để biết (Learning to Know), học để làm (Learning to Do), học để chung sống (Learning to Live Together), học để tự khẳng định tự lập (Learning to Be) – không chỉ thể hiện một cách cô đọng những yêu cầu của thời đại, mà còn có tính định hướng và ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Sự tự khẳng định của mỗi cá nhân bắt đầu từ trong nhà trường, trong quá trình học tập, rèn luyện, để ươm mầm cho những mùa bội thu trong tương lai. Trong trường học người học chỉ tiếp nhận được một khối lượng tri thức nền tảng, nhưng cuộc sống lại không diễn ra theo những kịch bản có sẵn, vì thế trang bị kỹ năng thích ứng với cuộc sống và đạt được những mục tiêu, những hoài bão và lý tưởng đã dự định là nhu cầu vừa cấp bách, vừa lâu dài.

Đối với các môn khoa học cơ bản, việc trang bị kỹ năng mềm cho người học có tầm quan trọng đặc biệt, bởi lẽ khoa học cơ bản là tiền đề của khoa học ứng dụng, cũng như nghiên cứu cơ bản (Fundamental Research) là tiền đề của nghiên cứu ứng dụng (Applied Research) và đi tới nghiên cứu triển khai,

phát triển công nghệ (Technology Development). Trang bị kỹ năng mềm trong khoa học cơ bản cần đặc biệt chú trọng đến tư duy phản biện. Tư duy phản biện, hay tư duy phê phán (Critical Thinking) là hệ thống các phán quyết được sử dụng để phân tích sự vật và sự kiện với việc hình thành các kết luận có cơ sở và tạo điều kiện đưa ra các đánh giá, các luận giải có tính thuyết phục, cũng như tiếp nhận đúng mực các kết quả thích ứng đối với từng tình huống và vấn đề. Theo nghĩa chung nhất tư duy phê phán được hiểu như tư duy cấp độ cao hơn so với tư duy thiếu phê phán, tư duy một chiều, hay tư duy thuần túy minh họa. Theo nghĩa hẹp tư duy phê phán, như ta thấy, là sự đánh giá đúng mực đối với các luận điểm hay khẳng định nào đó, hay “tư duy về tư duy”. Một trong những định nghĩa phổ biến hiện nay là “tư duy phản tư hợp lý, hướng đến việc quyết định nên tin vào điều gì và làm gì” (R. H. Ennis, 2003. Định nghĩa chi tiết hơn: quá trình được điều chỉnh một cách sáng suốt sự phân tích tích cực và khôn khéo, sự tiếp nhận, sàng lọc, tổng hợp và/hoặc là đánh giá thông tin, được nhận hay được sinh ra từ quan sát, trải nghiệm, suy luận hay giao tiếp, như yếu tố định hướng cho suy nghĩ và hành động).

Tập hợp các kỹ năng cần thiết cho tư duy phản biện bao gồm sự chiêm nghiệm, năng lực luận giải, phân tích, đưa ra kết luận, năng lực đánh giá - thẩm định... Ở đây người thầy phải thực sự có tương đối đủ vốn tri thức và bản lĩnh chính trị để tiếp nhận phản hồi từ người học về nội dung bài giảng, các quan điểm được truyền đạt, biết xử lý các vấn đề một cách chuẩn mực, nhưng lại gợi mở cho người học những câu hỏi mới, những vấn đề mới.

Giao tiếp, đối thoại và chia sẻ giữa người dạy và người học - đó là văn hóa nhân văn trong giáo dục. Các nhà nghiên cứu giáo

dục, từ Jean-Jacques Rousseau (1712 - 1778) đến Émile Durkheim (1852 - 1917) và John Dewey (1859 - 1952) đều nhấn mạnh sự cần thiết hình thành không gian tự do, tạo khả năng tự thích nghi và gợi mở lý tưởng cho người học, thay vì áp đặt lý tưởng. Bản thân người thầy cũng cần được trang bị “văn hóa tâm lý” để biết “đọc” được ý nghĩ của người học, đánh thức niềm đam mê từ người học, và sẵn sàng đối thoại để tìm ra từ cái bị quy là “lệch chuẩn” những tín hiệu của nhân tố mới.

Cuối cùng, phải biết kết hợp cả hai loại kỹ năng – kỹ năng cứng và kỹ năng mềm thì thành công mới trọn vẹn. Nghệ thuật “tạo môi trường thuận lợi” trong công việc không thể thay thế năng lực chuyên môn thực sự. Để đứng vững trong cuộc sống yêu cầu trước tiên là luôn trau dồi kỹ năng kết nối công chúng, hay kỹ năng chung sống như một trong 4 mục tiêu học tập mà UNESCO nêu ra. Đó là kỹ năng giao tiếp, thiết lập các mối liên hệ tiếp xúc, đối thoại, chia sẻ thông tin. Kỹ năng này là một trong những kỹ năng đụng chạm đến cả quan hệ nghề nghiệp lẫn quan hệ văn hóa. Một trong những sự tương tác hiệu quả là tính vô tư (không thiên vị) trong thái độ đối với các quan điểm xa lạ. Theo Tjosvold và Poon, tính vô tư là một quan điểm tâm lý học, theo đó trong khi xem xét các quan điểm và hiểu biết của những người khác, ta cần hiểu rằng họ cần được tự do bày tỏ chính kiến, rằng ý nghĩa của sự hiểu biết từ họ nên được nhìn nhận (Rebecca Mitchell and Stephen Nicholas, 2006).

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, hội nhập giáo dục và đào tạo trở thành nhu cầu cấp thiết để đưa nền giáo dục nước nhà phát triển một cách toàn diện và hiệu quả, góp phần thực hiện chiến lược đi tắt đón đầu, hướng đến mục tiêu lớn của dân tộc. Muốn như vậy sự đổi mới phương pháp

cần bắt đầu từ chính nhà trường, nơi đào tạo con người cho xã hội. Giáo dục kỹ năng mềm nằm trong lộ trình tất yếu đó. Trong lộ trình ấy sự tự nâng chất của người thầy là điều kiện tiên quyết, là điểm xuất phát của đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, còn sự đổi mới quản lý giáo dục chính là tạo ra môi trường thích hợp để ai cũng có thể trở thành những Raphael (Hệ tư tưởng Đức) trong giáo dục, nghĩa là sáng tạo không ngừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW*.
2. R. H. Ennis (2003), *Critical Thinking Assessment*; D. Fasko: *Critical Thinking and Reasoning: Current Research, Theory, and Practice*; Hampton Press.
3. Khổng Tử (1995), *Luận ngữ*; Nguyễn Hiến Lê chú dịch và giới thiệu, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. J. F. Lyotard (2007), *Hoàn cảnh hậu hiện đại*; Ngân Xuyên dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính và giới thiệu; Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Rebecca Mitchell and Stephen Nicholas (2006), “*Knowledge Creation in Groups: The Value of Cognitive Diversity, Transactive Memory and Open-mindedness Norms*”.

Electronic Journal of Knowledge Management (University of Sydney, Australia).

6..<http://ueb.vnu.edu.vn/Sub/20/newsdetail/ky-nang-mem--su-can-thiet-cho-sinh-vien.htm> (ngày 10/3/2014).

7..<http://www.softskillsinstitution.com/faq.htm>

ABSTRACT

International integration has created many opportunities for educational system of our country, but not fewer challenges. In this situation, to conduct the 08th Central Degree (Session XI) which devotes for basic and comprehensive revolution of Vietnamese education, the establishment of scientific methods and the appropriate regimes of educational management with the point of development of the Communist Party becomes an urgent demand and impossible to postpone. The development of soft skills of the learners, in this approach, is an important condition for them to be active, confident before stepping into their livelihoods, and through this process to achieve 4 leaning goals set out by UNESCO – Learning to know, learning to do, learning to live together, learning to be self-independent.